

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYÊN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2020/DS-ST

Ngày: 15-09-2020

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Quốc Việt

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Hữu Tấn
2. Ông Trần Hùng Bích

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Lan – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phú Hữu - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 02/2020/TLST-DS ngày 02 tháng 01 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 230/2020/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 254/2020/QĐST-DS ngày 20 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng T,

Trụ sở: đường P, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo pháp luật: ông A, chức vụ: Tổng Giám Đốc.

Người đại theo ủy quyền: ông Đ, chức vụ: Giám đốc chi nhánh An Giang. (Quyết định “V/v Ủy quyền thường xuyên đại diện Ngân hàng T thực hiện các thủ tục bán đấu giá tài sản bảo đảm, khởi kiện, thi hành án” số 4522/QĐ-NHKL ngày 31/12/2019 của Tổng Giám đốc Ngân hàng T).

Người được ủy quyền lại:

1. Ông B, sinh năm: 1988. Chức vụ: Phó phòng khách hàng cá nhân. (Giấy ủy quyền số 08/UQ-CNAG ngày 31/01/2020 V/v tham gia tố tụng và làm việc với cơ quan chức năng)

2. Bà Q, sinh năm: 1982. Chức vụ: Phó phòng khách hàng cá nhân. (Giấy ủy quyền số 07/UQ-CNAG ngày 20/02/2020 V/v tham gia tổ tụng và làm việc với cơ quan chức năng)

Trụ sở: đường L, phường O, thành phố X, tỉnh An Giang.

- **Bị đơn:** Bà N, sinh năm 1978,

Cư trú: khóm P, phường Q, thành phố X, tỉnh An Giang.

(Tại phiên tòa đại diện Ngân hàng có đơn xin vắng mặt; bị đơn vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 25/10/2019 và trong quá trình tố tụng đại diện nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng T - chi nhánh An Giang và bà N có ký Hợp đồng tín dụng kiêm Hợp đồng cầm cố số A705511/HĐTD/CC ngày 16/01/2019 với nội dung bà N vay vốn của Ngân hàng T gồm hai khoản vay: Khoản vay 1: Số tiền vay: 50,000,000 đồng (năm mươi triệu đồng; Mục đích: Buôn bán; Thời hạn vay: 180 ngày; Ngày giải ngân: 17/01/2019, ngày đến hạn: 15/07/2019; Lãi suất: 16% năm; Lãi suất quá nợ quá hạn: bằng 150% (gấp 1,5 lần) lãi suất vay ngay trước thời điểm chuyển nợ quá hạn; Hình thức thanh toán: Gốc và lãi vay trả định kỳ hàng ngày. Khoản vay 2: Số tiền vay : 40,000,000 đồng (Bốn mươi triệu đồng); Mục đích: Buôn bán; Thời hạn vay: 180 ngày; Ngày giải ngân: 30/01/2019, ngày đến hạn: 28/07/2019; Lãi suất: 16%/ năm; Lãi suất quá nợ quá hạn: bằng 150% (gấp 1,5 lần) lãi suất vay ngay trước thời điểm chuyển nợ quá hạn; Hình thức thanh toán: Gốc và lãi vay trả định kỳ hàng ngày.

Tổng số tiền vốn của hai khoản vay là 90.000.000 đồng. Để đảm bảo cho hai khoản vay trên bà N thế chấp tài sản theo Hợp đồng tín dụng kiêm cầm cố tài sản số A705511/HĐTD/CC ngày 16/01/2019 và A721153; A721154/HĐTD/CC ngày 29/01/2019 gồm hai tài sản: Tài sản 1: Xe HONDA-VARIO, biển kiểm soát: 67B2-134.79; Tài sản 2: Xe HODA-AIR BLADE, biển kiểm soát: 67B1-876.48

Trong quá trình vay vốn, bà N chỉ thanh toán nợ gốc và lãi cho khoản vay 50.000.000 đồng được số tiền 20,978,691 đồng (Hai mươi triệu chín trăm bảy mươi tám nghìn sáu trăm chín mươi một đồng). Khi đến hạn thanh toán nợ, Ngân hàng nhiều lần thông báo, nhắc nhở và bà N cũng nhiều lần cam kết nhưng không thực hiện đúng cam kết và hiện tại hợp đồng đã quá hạn thanh toán nhưng bà N vẫn chưa thanh toán dứt nợ cho Ngân hàng theo thỏa thuận tại hợp đồng đã ký.

Trong quá trình vay vốn, bà N chỉ thanh toán nợ gốc và lãi cho khoản vay 40.000.000 đồng được số tiền 14,385,388 đồng (Mười bốn triệu, ba trăm tám mươi tám nghìn đồng). Khi đến hạn thanh toán nợ, Ngân hàng đã nhiều lần thông báo, nhắc nhở và bà N cũng đã nhiều lần cam kết nhưng không thực hiện đúng cam kết và hiện tại hợp đồng đã quá hạn thanh toán

nhưng bà vẫn chưa thanh toán dứt nợ cho Ngân hàng theo thỏa thuận tại hợp đồng đã ký.

Ngân hàng yêu cầu bà N có trách nhiệm trả số tiền tạm tính đến ngày 15/9/2020 là 77.613.090 đồng (Vốn 57.222.222 đồng, lãi trong hạn 4.515.068 đồng, lãi quá hạn 15.875.799 đồng). Đồng thời, yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh từ ngày 16/9/2020 trên số dư nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố cho đến khi thanh toán dứt điểm số tiền nợ.

Yêu cầu tiếp tục duy trì hợp đồng tín dụng kiêm cầm cố số A705511/HĐTD/CC ngày 16/01/2019 à A721153; A721154 ngày 29/01/2019 được ký kết giữa đại diện Ngân hàng và bà N để đảm bảo thi hành án.

Bị đơn bà N: đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt, không rõ lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên phát biểu:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án phù hợp quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, nghe lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tranh chấp giữa Ngân hàng T và bà N là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, Ngân hàng T có đăng ký kinh doanh, bà N không đăng ký kinh doanh đây là vụ án dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[1.2] bà N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vụ án vắng mặt bà N.

[2] Về nội dung:

[2.1] Ngân hàng T và bà N xác lập 02 khoản vay, cụ thể:

[2.2] Khoản vay thứ nhất: Căn cứ Giấy đề nghị vay vốn trả góp ngày 16/01/2019 của bà N và Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số A705511/HĐTD/CC ngày 16/01/2019; theo đó, bà N có thể chấp cho Ngân hàng T 01 xe máy hiệu VARIO mang biển kiểm soát 67B2-134.79 do bà N đứng

tên Giấy chứng nhận đăng ký xe số 080589 được Công an tỉnh An Giang cấp ngày 13/12/2017 để vay số tiền là 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng), thỏa thuận thời hạn vay là 180 ngày, lãi suất cho vay trong hạn là 16%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% trong hạn. Trong quá trình vay vốn, bà N chỉ thanh toán nợ gốc và lãi cho các hợp đồng tín dụng nêu trên được số tiền 20,978,691 đồng.

[2.3] Khoản vay thứ hai: Căn cứ Giấy đề nghị vay vốn trả góp ngày 29/01/2019 của bà N và Hợp đồng tín dụng kèm hợp đồng cầm cố số A721153/HĐTD/CC và số A721154/HĐTD/CC ngày 29/01/2019; theo đó, bà N có thể chấp cho Ngân hàng T 01 xe máy hiệu AIR BLADE mang biển kiểm soát 67B1-876.48 do bà N đứng tên Giấy chứng nhận đăng ký xe số 045051 được Công an tỉnh An Giang cấp ngày 13/02/2017 để vay số tiền là 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng), thỏa thuận thời hạn vay là 180 ngày, lãi suất cho vay trong hạn là 16%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% trong hạn. Trong quá trình vay vốn, bà N chỉ thanh toán nợ gốc và lãi cho các Hợp đồng tín dụng nêu trên được số tiền 14,385,388 đồng.

[2.4] Thực hiện hợp đồng vay bà N đã vi phạm nghĩa vụ trả vốn lãi theo hợp đồng đã ký kết nên yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T về việc buộc trả nợ vốn lãi và duy trì hợp đồng thế chấp là có căn cứ theo quy định tại Điều 317, Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên được Hội đồng xem xét chấp nhận.

Buộc bà N có trách nhiệm trả số tiền tạm tính đến ngày 15/9/2020 là 77.613.090 đồng (Vốn 57.222.222 đồng, lãi trong hạn 4.515.068 đồng, lãi quá hạn 15.875.799 đồng). Đồng thời, tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 16/9/2020 trên số dư nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng kèm hợp đồng cầm cố cho đến khi thanh toán dứt điểm số tiền nợ.

Tiếp tục duy trì hợp đồng tín dụng kèm cầm cố số A705511/HĐTD/CC ngày 16/01/2019 và A721153; A721154 ngày 29/01/2019 được ký kết giữa đại diện Ngân hàng và bà N để đảm bảo thi hành án.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Điều 317, Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự;
- Khoản 14 và khoản 16 Điều 4; khoản 2 Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T.

[1] Buộc bà N có trách nhiệm trả cho Ngân hàng T (Do Ngân hàng T chi nhánh An Giang đại diện nhận) số tiền tạm tính đến ngày 15/9/2020 là 77.613.000 đồng (Vốn 57.222.222 đồng, lãi trong hạn 4.515.068 đồng, lãi quá hạn 15.875.799 đồng).

Đồng thời, bà N có nghĩa vụ tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 16/9/2020 trên số dư nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng kèm hợp đồng cầm cố, cho đến khi thanh toán dứt điểm số tiền nợ.

[2] Tiếp tục duy trì hợp đồng tín dụng kèm cầm cố số A705511/HĐTD/CC ngày 16/01/2019 à A721153; A721154 ngày 29/01/2019 được ký kết giữa đại diện Ngân hàng T và bà N để đảm bảo thi hành án khoản tiền nêu trên.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà N có trách nhiệm nộp 3.880.600 đồng (Ba triệu, tám trăm tám mươi tám ngàn, sáu trăm đồng) án phí.

Ngân hàng T (Do Ngân hàng T – Chi nhánh An Giang đại diện nhận) được nhận lại 1.635.000 đồng (Một triệu sáu trăm ba mươi lăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005929 ngày 19/12/2019 của Chi cục thi hành án Dân sự thành phố L.

[4] Về quyền kháng cáo:

Bà N được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Ngân hàng T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

(Đã giải thích điều 26 Luật thi hành án)

Nơi nhận:

- Các đương sự “Đề thi hành”;
- VKSND – TPLX;
- TAND tỉnh An Giang;
- THADS TP L;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Minh Quốc Việt